TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 08/5/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi
2. Ông Cao Quốc Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phốHồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 và ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thanh A, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tôn Thất Hồ B, sinh năm 1971

(Giấy ủy quyền ngày 21/11/2016 lập tại Văn phòng công chứng Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1962

Địa chỉ: 1090 Đường A1, Khu phố B1, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Thái Vũ D, sinh năm 1967 (Chồng bà Huỳnh Thanh A)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

4. Người làm chứng:

4.1 Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1972

Địa chỉ: 74/7 Đường E, Khu phố G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

4.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1972

Địa chỉ: 136 đường E1, phường G1, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Tôn Thất Hồ B, bà Phạm Thị Ngọc C có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt, người làm chứng bà Nguyễn Thị E có mặt; bà Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thanh A có ông Tôn Thất Hồ B là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 30/01/2015, bà Huỳnh Thanh A cho bà Phạm Thị Ngọc C mượn số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng theo "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015, thời hạn cho vay 03 tháng, không có lãi. Từ khi mượn tiền đến nay bà C không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị Ngọc C trả số tiền nợ gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2015, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc Yến trình bày: Bà C xác nhận có ghi "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015. Tuy nhiên bà không có mượn hay vay bà A số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Do bà A – giám đốc Cổ phần Phước Lộc Thành BBS – Tealway có vay tiền giúp cho em của bà C (bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Phạm Thế Nghiệp) tại ngân hàng Á Châu, thực tế là vay tiền giúp cho bà C đồng thời bà G ông Nghiệp có thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay, nên khi cần giải chấp tài sản cho bà G ông Nghiệp tại ngân hàng Á Châu, bà A yêu cầu bà C phải ghi giấy nhận nợ 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng thì mới đồng ý ký giải chấp tài sản. Đây là số tiền mà bà A yêu cầu bà C phải trả cho số tiền lãi mà bà A đã trả cho ngân hàng Á Châu trong thời gian vay tiền giúp cho bà C. Vì vậy, trong giấy cam kết nhận nợ bà có ghi "nợ em Huỳnh Thanh A số tiền lãi là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng)". Bà không có nhận số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng của bà A nên không đồng ý với yêu cầu của bà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Vũ D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 30/9/2017 trình bày: Ông D là chồng của bà Huỳnh Thanh A. Số tiền bà A cho bà C vay theo "Giấy cam kết nhận nợ' ngày 30/01/2015 là tiền riêng của bà A. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Ông D xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2017, người làm chứng bà Nguyễn Thị E

trình bày: Bà là người chứng kiến sự việc giữa bà A và bà C liên quan đến "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015. Bà xác nhận sự việc bà C trình bày là đúng, bà C không có nhận số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng của bà A.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2018, người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Bà là em chồng của bà Phạm Thị Ngọc C. Bà Huỳnh Thanh A là giám đốc công ty Cổ phần Phước Lộc Thành BBS – Tealway, trụ sở số 299F6 Khu dân cư Sông Giồng, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây vợ chồng bà có đứng ra thế chấp tài sản để nhờ công ty Phước Lộc Thành vay tiền Ngân hàng Á Châu. Thực tế vợ chồng bà vay tiền giúp cho chị Yến. Khi vợ chồng bà cần lấy lại tài sản thế chấp, bà A yêu cầu chị Yến phải ghi giấy nhận nợ số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng mới đồng ý giải chấp tài sản. Thực tế bà A không cho chị Yến mượn hay vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Bà cam kết lời khai của bà hoàn toàn đúng sự thật. Do tôi rất bận công việc nên không thể trực tiếp tham gia vụ án nên bà đề nghị Tòa án cho phép bà vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh A có ông Tôn Thất Hồ B là người đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến tranh luận: Số tiền bà C nợ bà A 200.000.0000 đồng cho dù là nợ gốc hay nợ lãi thì bà C phải trả cho bà A bởi vì bà C đã cam kết thì phải thực hiện.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc C trình bày ý kiến tranh luận: Tôi không có nhận số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng của bà A. Tôi không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng giữa các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thanh A và bà Phạm Thị Ngọc C là tranh chấp về giao dịch dân sự; bị đơn bà C có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về thủ tục tố tụng:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thái Vũ D đã có lời khai và có yêu cầu vắng mặt khi xét xử. Xét việc vắng mặt của ông Thái Vũ D không ảnh hưởng đến việc giải quyết và xét xử vụ án nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Thái Vũ D.

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh A chỉ yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị Ngọc C trả nợ nên không cần thiết đưa chồng bà A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu của đương sự:

Bà Huỳnh Thanh A khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị Ngọc C trả số tiền nợ gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và nợ lãi theo "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015 được bà C xác nhận do bà viết và ký tên nhưng theo bà C đây là khoản tiền lãi bà ghi nhận để giải chấp tài sản cho em của bà là ông Phạm Thế Nghiệp và bà Nguyễn Thị Ngọc G. Lời trình bày của bà C không được phía nguyên đơn thừa nhận và bà C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc nhận nợ là để giải chấp tài sản trong giao dịch giữa công ty Cổ phần Phước Lộc Thành BBS – Tealway do bà Huỳnh Thanh A làm giám đốc với ông Phạm Thế Nghiệp và bà Nguyễn Thị Ngọc G. Mặc dù có 02 người làm chứng là bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị Ngọc G xác nhận khoản nợ này liên quan đến việc thế chấp tài sản của bà G và ông Nghiệp tại Ngân hàng TMCP Á Châu nhưng bà E, bà G cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giao dịch giữa bà C và bà A liên quan đến "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015.

[2] Theo "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015 do phía nguyên đơn cung cấp có nội dung như sau: "Tôi tên Phạm Thị Ngọc C có nợ em Huỳnh Thanh A số tiền lãi 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng chẵn) thời gian 3 tháng sẽ hoàn trả đúng hạn.".

Như vậy, nội dung nhận nợ thể hiện đây là số tiền lãi nhưng chữ "lãi" đã bị gạch bỏ. Bị đơn bà C cho rằng người khác đã gạch chữ "lãi" trên giấy nhận nợ mà bà không biết. Phía nguyên đơn giữ giấy nhận nợ bản chính và không chứng minh được bà C là người đã gạch bỏ chữ "lãi" trên giấy nhận nợ.

Tại biên bản đối chất ngày 13/9/2017, nguyên đơn bà A xác nhận bà giao số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) cho bà C tại quán cà phê sân bóng đá cỏ nhân tạo gần cảng Cát Lái nhưng không có ai chứng kiến. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Tôn Thất Hồ B cho biết bà A giao cho bà C số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng tại công ty Cổ phần Phước Lộc Thành BBS – Tealway, trụ sở số 299F6 Khu dân cư Sông Giồng, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có nhân viên của bà A chứng kiến.

Hội đồng xét xử nhận định: Phía nguyên đơn có sự không thống nhất trong lời trình bày về nơi bà A thực hiện việc giao tiền cho bà C, trong khi giữa hai bên không có lập biên nhận nhận tiền. Tại phiên tòa, ông B xác nhận giữa bà A và bà C không còn bất cứ khoản nợ nào khác nên nguyên đơn cũng không chứng minh được số tiền 200.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh của khoản vay nào.

Xét: Trên "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015 thể hiện đây là số tiền lãi nhưng phía nguyên đơn và bị đơn không có bất cứ khoản vay nào liên quan đến số tiền bà C nhận nợ. Đồng thời, không có tài liệu nào thể hiện việc bà A có giao cho bà C số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu đòi số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng nên yêu cầu đòi tiền lãi cũng không được chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về tố tụng và nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 232, Điều 259, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh A về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Ngọc C trả số tiền nợ gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và nợ lãi phát sinh theo "Giấy cam kết nhận nợ" ngày 30/01/2015.

2.Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà Huỳnh Thanh A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 6.012.500 (Sáu triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số AE/2014/0004760 ngày 23/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2. Bà Huỳnh Thanh A còn phải nộp bổ sung số tiền là 3.987.500 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

- Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngọc Phú